NHỮNG NGUYÊN LÝ DỊCH HỌC TRÊN KIẾN TRÚC PHONG CÁCH ĐÔNG DƯƠNG Ở SÀI GÒN

BÙI BÁ NGUYÊN KHANH

TÓM TẮT

Kiến trúc Đông Dương là một phong cách kiến trúc độc đáo. Trải qua thời gian, kiến trúc này vẫn có những giá trị nhất định. Tìm hiểu về kiến trúc phong cách Đông Dương sẽ giúp người đọc hiểu rõ hơn về một loại hình di sản văn hóa của dân tộc. Bài viết phân tích những đặc trưng kiến trúc phong cách Đông Dương qua một số công trình tiêu biểu để chứng minh cho những nhận định của mình.

Từ khóa: di sản văn hóa; kiến trúc; phong cách Đông Dương.

ABSTRACT

Indochinese architectural style is a unique architecture. Over time, this architecture still has a certain value. Learn about the architectural style of Indochina will help readers better understand the type of cultural heritage of the nation. The paper analyzes the characteristics Indochinese architectural style through some typical works to prove his statements.

Key words: Cultural heritage; Architecture; Indochinese architectural style.

Kiến trúc phong cách Đông Dương là một "dòng" kiến trúc xuất hiện vào khoảng những năm 1923 dưới thời Pháp thuộc tại Đông Dương (Việt Nam, Lào, Campuchia) do kiến trúc sư Ernest Hébrard (1875 - 1933) - lúc bấy giờ là Kiến trúc sư trưởng của Sở Thanh tra xây dựng Đông Dương - khởi xướng qua những công trình mà ông thiết kế hoặc tham gia thiết kế. Đó là một kiểu kiến trúc dựa trên kỹ thuật châu Âu nhưng sử dụng những yếu tố của "thuộc địa" như hài hoà với khí hậu địa phương, sử dụng văn hoá, hoa văn sở tại cũng như kế thừa một số chi tiết của kiến trúc cổ địa phương...

Kiến trúc phong cách Đông Dương đã trở thành một sáng tạo với những kiến trúc nổi tiếng tại Hà Nội như tòa nhà Universite Indo-Chinoise (Đại học Đông Dương) nay là Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn và Đại học Dược thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, tọa lạc tại số 19, Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, được khởi công vào năm 1923; Direction des Finances de L'Indochine (Sở Tài chính Đông Dương) nay là Trụ sở Bộ Ngoại giao, tọa lạc tại số 1, Tôn Thất Đạm, quận Ba Đình, Hà Nội, được khởi công năm 1926...

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, hiện còn năm kiến trúc phong cách Đông Dương nổi tiếng: Các kiến trúc này xây dựng cách nhau trong vài năm kể từ năm 1926 đến năm 1930 mà kiến trúc phong cách Đông Dương đầu tiên ở Sài Gòn là công trình Temple de Souvenir (đền Kỷ niệm) nay là đền thờ vua Hùng tọa lạc tại số 2, Nguyễn Bỉnh Khiêm, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó là một số công trình khác, như: Musee Blanchard de la Bross (nay là Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh) xây dựng năm 1926 - 1928, Le Lycee Petrus Ký (trường Petrus Ký - nay là trường Trung học Phổ thông Lê Hồng Phong) vào năm 1927, nhà mồ Trương Vĩnh Ký, chợ Bình Tây... năm 1928.

Tìm hiểu về kiến trúc phong cách Đông Dương là một vấn đề lý thú với nhiều khía cạnh về văn hoá, tư tưởng, kiến trúc, mỹ thuật. Trong phạm vi bài viết, xin được đề cập đến vấn đề những nguyên lý Dịch học trên kiến trúc phong cách Đông Dương ở Sài Gòn. Đó là việc sử dụng những nguyên lý triết học phương Đông và quan niệm triết lý, phong thủy thể hiện trên kiến trúc phong cách Đông Dương tại Sài Gòn:

Trong việc xây dựng thời cổ ở Việt Nam thậm chí cho đến nay, một trong những vấn đề quan trọng là "phong thuỷ" tức tìm "hướng" đúng, tìm "long mạch" cho kiến trúc, muốn tìm "hướng" hoặc "long mạch" thì phải dựa vào Dịch lý[1]… Kiến trúc phong

cách Đông Dương tại Sài Gòn cũng không ra ngoài vấn đề Dịch lý và thực sự là kiến trúc phong cách Đông Dương ở Sài Gòn ẩn chứa những nguyên lý triết học phương Đông như quan điểm của Trần Lâm Biền: "…thông qua kiến trúc mỹ thuật cổ tìm hiểu những quan niệm về chân lý, luân lý và tâm lý, có nghĩa là về vũ trụ quan, nhân sinh quan của người xưa là một điều cần thiết…"[2].

Nghiên cứu và ngắm nhìn các kiến trúc phong cách Đông Dương ở Sài Gòn, có thể nói là các quan niệm phát nguồn từ Dịch học đều được ứng dụng tại đây, như: âm dương, tam tài, ngũ hành, bát quái, cửu cung… Các quan niệm này chính là thể hiện"vũ trụ quan, nhân sinh quan" hết sức tự nhiên trên trang trí mỹ thuật của kiến trúc phong cách Đông Dương tại Sài Gòn từ cách sử dụng vật liệu xây dựng, chế tác vật liệu cho đến bố cục:

1. Về quan niệm âm dương: Âm dương theo Dịch học là hai mặt "đối đãi" nhau như đực - cái, động - tĩnh, ngày - đêm, đặc - rỗng... Triết lý âm dương là sự đấu tranh hoặc sự hoà hợp của hai cực có vẻ đối lập nhau. Quan niệm hoà hợp âm dương thể hiện rõ ràng tư tưởng triết học phương Đông trên kiến trúc phong cách Đông Dương tại Sài Gòn trong việc lợp mái, đó là việc dùng ngói âm dương, so với các kiến trúc châu Âu, trước đó, mái không dùng ngói âm dương mà được phủ theo ngói từ Pháp nhập về, chẳng hạn nhà thờ Đức Bà thiết kế mái chủ yếu là ngói phương Tây, nhập từ Pháp có in dòng chữ"Marseille St. André France" hình mũi tên hay còn gọi là "ngói Tây". Từ trên cao nhìn xuống, mái có hình thánh giá. Mái giữa lợp ngói "vẩy cá". Vùng mái thấp nhất lợp ngói "âm dương" chỉ là sau này.

Ngói âm dương là loại ngói cong dùng lợp trên mái nhà, bảo vệ nội thất chống nắng mưa tuyết... xuất hiện hàng ngàn năm cách nay, chủ yếu ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Triều Tiên và Việt Nam: Viên đặt ngửa gọi là ngói âm, viên đặt úp gọi là ngói dương, hai viên ngói ôm nhau khít khao ngăn không cho nắng mưa tuyết... vào nội thất nên được đặt tên rất hình tượng là ngói âm dương.

Kiến trúc phong cách Đông Dương ở Sài Gòn, như: Đền thờ vua Hùng, Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh, chợ Bình Tây… phủ mái bằng ngói âm dương chứng minh việc sử dụng vật liệu tại chỗ đồng thời cho thấy tư duy hoà hợp giữa kiến trúc châu Âu và vật liệu, mỹ thuật Việt Nam được khẳng định rõ ràng vừa trên lý thuyết và vừa trên thực tế.

Triết lý âm dương trên kiến trúc phong cách Đông Dương ở Sài Gòn còn thể hiện hai mặt đặc - rỗng thông qua trang trí mỹ thuật chạm lộng (âm) và chạm nổi (dương): qua bộ cửa đền thờ vua Hùng "thượng song hạ bản"[3] Nam Bộ[4] với "thượng song: rỗng - âm" được biến tấu bằng đồ án chữ Thọ triện chạm lộng, đảm bảo tính chất "rỗng- âm" đối với "hạ bản: đặc - dương" chạm nổi tứ thời của cánh cửa và trên đầu cánh cửa là dạng chạm lộng chữ Thọ ôm bản đặc chạm nổi 3 chữ Phúc Lộc Thọ kiểu chân.

Tại Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh, quan niệm âm dương "đặc - rỗng" thể hiện trên hệ thống cửa sắt chính và cửa phòng bán vé hai bên dẫn vào cửa chính. Cửa sắt chính là kiểu cửa sắt uốn không có nền lưng (âm) với phần chính giữa là chữ Thọ (Hán, triện tròn) bốn góc có hình tượng dơi chầu vào thành biểu tượng Phúc chầu Thọ, phần dưới cửa là hình đồng tiền tượng trưng cho Lộc để hoàn chỉnh đề tài Tam Đa - Phúc Lộc Thọ chúc mừng khách bước vào Bảo tàng. Cửa sắt bảo tàng ngay cạnh hai cánh cửa chính còn có hai cánh phụ cố định hai bên cũng theo nguyên tắc âm dương là các khung rỗng ôm các bản nhỏ đặc trên chạm nổi bốn loại trong bát bảo (đôi bút lông, cây đàn, quyển sách, cây quạt) và giỏ hoa hoặc dây lá cách điệu hoá rồng, hoá chữ Thọ… Một dạng quan niệm âm dương khác thể hiện trên hai dãy cửa bán vé đối nhau trên lối vào Bảo tàng: chạm lộng chữ Thập ôm bản đặc chạm nổi tương tự như cửa chính: bốn loại trong bát bảo (đôi bút lông, cây đàn, quyển sách, cây quạt) trên đầu cửa, phía dưới có chữ Thánh Phủ (chữ Hán thảo) là bản đặc chạm nổi, (dương) nhưng song song 2 bên lại chạm lộng (âm) hoa lá dây thời Nguyễn…

Lầu cổng "nghi môn" với chữ Thọ triện bát giác xây lộng, tường bao hoa văn chữ Á xây kiểu lộng và cửa sắt của cổng "thượng song hạ bản" thực chất cũng là thể hiện quan niệm âm dương "đặc - rỗng" (tại nhà mồ Trương Vĩnh Ký).

Trên lầu tứ phương, Trường Trung học Phổ thông Lê Hồng Phong, chữ Thọ (Hán triện) thể hiện chạm lộng (âm) trong hình bát giác và ở chợ Bình Tây các ô lớn hoa văn chữ triện chạm lộng (âm) bố trí ở dưới 2 tầng mái cũng dùng thủ pháp lộng thực chất là thể hiện quan niệm âm dương.

2. Về quan niệm tam tài: Tam tài tức 3 ngôi Thiên, Địa, Nhân tức Trời, Đất và Người. Quan niệm xưa cho rằng, đây là sự hoà hợp lớn nhất của vũ trụ. Đền thờ được xem là nơi hợp nhất trời, đất và

Kiến trúc chợ Bình Tây - Ảnh: Tác giả

người nên thường thể hiện quan điểm này trong kiến trúc. Điển hình là đền thờ Hùng Vương ở trong trường hợp này mà sự thể hiện hết sức tinh tế. Sự thể hiện quan niệm Tam tài nằm trong nền móng của ngôi đền. Có thể thấy, nền của đền thờ Hùng Vương có ba cấp cao toàn bộ 3,27m, chính là tượng trưng tam tài (Thiên, Nhân, Địa), nhỏ dần khi lên cao tạo thế vững chắc của khối nhà với cấp nền 1 cạnh lớn nhất dài 26,66m tượng trưng Địa; cấp nền 2 cạnh dài 19,44m tượng trưng Nhân; cấp nền 3 cao nhất cạnh nhỏ nhất dài 13,68m tượng trưng cho Thiên[5]. Cả 3 nền tạo thành thế của đền cả về nghĩa đen và nghĩa bóng.

Thể hiện quan niệm tam tài còn ở chỗ 3 lớp mái của mỗi kiến trúc với lớp mái dưới là Địa, giữa là Nhân và trên cùng là Thiên trên các kiến trúc: tháp bát giác Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh, đền thờ vua Hùng, Nghi môn nhà mồ Trương Vĩnh Ký, tháp chính chợ Bình Tây.

3. Về quan niệm ngũ hành: Ngũ hành tức Kim, Mộc, Thuỷ, Hoả, Thổ (Kim loại, Gỗ, Nước, Lửa, Đất) năm yếu tố tượng trưng cho mọi vật chất trong thế giới - theo quan niệm của triết học cổ phương Đông. Một kiến trúc phải hội đủ năm yếu tố này để chúng hoàn thiện khi có đủ vũ trụ trong bản thân. Ngũ hành lại có tính tương sinh tương khắc: chúng sinh ra nhau để luôn có tiếp nối bền vững và khắc lẫn nhau để tiết chế những yếu tố quá đà. Kết cấu của Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh có đầy đủ 5 yếu tố: Kim loại (sắt được sử dụng trong việc làm cửa chính), Mộc (gỗ được sử dụng trong việc làm cửa đi), Thuỷ (nước thể hiện trong thiết kế thiên tỉnh - giếng trời), Hoả (lửa được thể hiện là chim Đan Phượng - Phượng đỏ hay Chu tước - chim tước đỏ trên đầu đao của Bảo tàng, trừu tượng hơn nữa qua hệ thống mái cao thấp nhấp nhô như những ngọn lửa lúc bốc cao, lúc hạ thấp), Thổ (đất được thể hiện nhiều nhất trong vật liệu xây dựng của mái ngói, tường và nền của kiến trúc).

Có thể thấy, quan niệm ngũ hành trong mặt bằng vuông của đền thờ vua Hùng tương ứng với mặt bằng vuông dạng ngũ hành (bảng 2) của kiến trúc đình chùa Nam Bộ[6] và các yếu tố ngũ hành thể hiện trên kiến trúc đền thờ vua Hùng cũng tương tự Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh, có điều yếu tố Hoả có thêm một ý là các "ngọn đèn hương và nến"[7] còn yếu tố Thuỷ tượng trưng trên tranh tường "Long hí thuỷ" trong nội thất đền.

4. Về quan niệm bát quái: Bát quái là tám quẻ trong Dịch học: Càn, Khôn, Ly, Tốn, Khảm, Cấn, Chấn, Đoài. Bát quái được xem là biểu tượng của vũ trụ - tám hướng thể hiện trong mặt bằng nhà mồ

Trương Vĩnh Ký, thể hiện biểu tượng khắp nơi tụ hội là khu vực trung tâm của chợ Bình Tây, còn Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh với khu vực trung tâm được xây thành phòng Bát giác còn gọi là Trung đường, từ đây có cửa toả ra 8 hướng với các phòng lớn nhỏ khác nhau trên một bình đồ chữ nhật. Phòng hình bát giác tượng trưng bát quái là khu vực đặc biệt tụ hội của thái cực và âm dương: đó là nơi năng lượng tập trung kết tụ và chu chuyển. Nơi đây vì vậy đã được xây dựng cao nhất, với trần bằng hình tám cạnh và ánh sáng mặt trời tức thái dương chiếu rọi vào bằng những khung cửa kính trên cao, vòng quanh tám cạnh cho dù sáng hay chiều. Chính vì thế mà phòng Bát giác của bảo tàng được dùng làm nơi tụ hội, là nơi tập trung và toả đi các phòng khác. Đến kiến trúc này là phải tập trung nơi đây chứ không thể ở nơi nào khác.

5. Về quan niệm cửu cung: Theo Kinh dịch, hà đồ lạc thư được vua Vũ (nhà Hạ, Trung Quốc) phát hiện. Cửu cung đi đôi với Bát quái vì cửu cung chính là bát quái có cung trung tâm là thái cực bao hàm lưỡng nghi. Cửu cung là một ô vuông chia thành 9 phần đều nhau gọi là cửu cung hà đồ, có người còn gọi là hồng phạm cửu trù. Cửu cung có ý nghĩa như bát quái đặc biệt với ý nghĩa ma trận của nó.

Đồ hình cửu cung này được áp dụng vào kiến trúc Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện trên hệ cửa các phòng trưng bày và trần của Bảo tàng với nguyên tắc trần, cửa đều chia làm 9 ô tức cửu cung. Ngoại trừ các cửa ở lối vào chính làm bằng sắt uốn, gỗ chạm lộng thể hiện quan niệm âm dương và các lối đi của phòng bát giác đi qua các phòng khác không sử dụng cửa và các cửa trên cùng thiếu chiều cao chỉ sử dụng 3 ô, tất cả cửa của các phòng còn lại đều được sản xuất thống nhất bằng gỗ lắp kính với việc sử dụng dạng 9 ô cho cửa có dạng vuông, tạo thành nguyên tắc sử dụng cửu cung chuẩn, các cửa chữ nhật được thiết kế 9 ô không đều, chủ yếu lấy ý tưởng cửu cung. Riêng các cửa đi hình chữ nhật quá cao và dài thì được thiết kế 21 ô nhưng vẫn đạt dạng 9 ô, với 3 khoang 9 ô như sau: khoang 1 gồm 3 ô đầu, tiếp tục khoang 2 sử dụng ô cuối của 3 ô đầu làm ô đầu tiên của khoang này, và ô cuối của khoang 2 làm ô đầu tiên của khoang thứ 3. Như vậy sẽ có khoang 2 vuông vắn, đạt hiệu quả cửu cung chuẩn. Phía dưới phần gỗ của các cửa đi còn được chạm nổi chữ Thọ kiểu vuông và như vậy có thể thấy quan niệm "cửu thọ" mãi tồn tại lâu dài.

Thiết kế cửa dạng kính cửu cung chia 9 ô kiểu này không gặp trên bất cứ kiến trúc châu Âu nào và các kiến trúc khác đương thời tại Sài Gòn. Nó chỉ được sử dụng riêng cho Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh. Tại một số công trình khác sau này có bát giác cũng có thể nhận ra cửu cung đi kèm…

Trần của các phòng vuông trong Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh cũng chia 9 ô, theo dạng cửu cung, cho thấy sự nhất quán về quan niệm triết học trong thiết kế ngôi nhà này (có 4 trần nối với phòng Bát giác nên cạnh nối bị chéo, nếu không tính phần chéo này, thì các ô còn lại vẫn đạt thiết kế cửu cung vì cửu cung là phải tạo đủ các góc vuông của 9 ô).

Đền thờ vua Hùng cũng theo dạng cửu cung khi phần chính nội thất được chia 9 ô và trần nhà cũng chia 9 ô đều nhau vuông vức, bản thân từng ô của 9 ô trần nhà cũng được chia làm 9 ô nhỏ, nhưng trong đó ô giữa là lớn nhất, 8 ô còn lại 4 ô góc là ô vuông 4 ô cạnh là ô chữ nhật. Các ô này thể hiện hình chạm rồng, hạc trong hình tròn giữa ngoài là hình vuông chạm dơi, hoa cúc chầu vào, vừa thể hiện quan niệm âm dương (trời tròn đất vuông), vừa thể hiện quan niệm cửu cung…

Có thể nói, những nguyên lý Dịch học đã được thể hiện rất khéo léo trên các công trình kiến trúc phong cách Đông Dương ở Sài Gòn, đúng với một trong bốn "tiêu chuẩn" của Hébrard khi ông đề xướng cho kiểu kiến trúc mới "Kiến trúc Phong cách Đông Dương" tại thuộc địa Đông Dương là: thích ứng với văn hoá, kiến trúc mới không được chống chọi với các công trình cổ, cũng như tín ngưỡng và truyền thống của người bản xứ..."[8]./.

B.B.N.K

Chú thích và tài liệu tham khảo:

1- Ngô Huy Quỳnh (2011), *Tìm hiểu lịch sử kiến trúc Việt Nam,* Nxb Xây dựng.

2- Trần Lâm Biền (2013), *Con đường tiếp cận lịch sử,* Nxb. Văn hoá Thông tin.

3- Thượng song hạ bản nghĩa là phía trên song thưa, phía dưới là bản gỗ đặc.

4,6- Phạm Anh Dũng (2014), *Kiến trúc đình chùa Nam Bộ,* Nxb. Hà Nội.

5- Trần Thị Thuý Phượng - Phạm Hữu Công chủ biên (2008), "Đền thờ Hùng Vương", trong *365 bước chân dạo quanh Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh,* tr. 117 - 120.

7- Phan Cẩm Thượng (2011), *Văn minh vật chất của người Việt,* Nxb Tri thức.

8- Lê Minh Sơn (2013), *Kiến trúc Đông Dương,* Nxb. Xây dựng.

(Ngày nhận bài: 19/10/2016; ngày phản biện đánh giá: 30/10/2016; ngày duyệt đăng bài: 09/11/2016).